



CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101971512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009, sửa đổi lần thứ 9 ngày 03/6/2022.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: A6-BT5, khu đô thị Mỹ Đình 2, đường Trần Văn Cẩn, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Việt Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 13/05/2022)
Ông Trần Trọng Tính	Thành viên
Ông Bùi Thức Dục	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13/05/2022)
Ông Hoàng Quốc Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13/05/2022)
Ông Triệu Văn Hợi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13/05/2022)

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Hòe	Trưởng ban
Bà Lê Hồng Ngọc	Thành viên
Bà Đặng Thị Tâm	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Thức Dục	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/06/2022)
Ông Triệu Văn Hợi	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/06/2022)

Người đại diện theo pháp luật là Ông Trần Việt Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và tình hình tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 25, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam



Trần Việt Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022



Số: 019/2022/BCSX-HT.00137

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính. Tại thời điểm 30/6/2022 Công ty chưa tiến hành nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lũy kế là 1.842.009.100 đồng và tiền chậm nộp tạm tính là 146.917.861 đồng. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 11/3/2022. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận ngoại trừ đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 13/8/2021.

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		386.735.094.054	363.345.089.525
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		551.896.807	712.054.256
1. Tiền	111	5.1	551.896.807	712.054.256
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		386.052.086.870	362.504.261.477
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	23.883.286.194	270.460.801
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	339.138.554.101	339.203.554.101
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	23.030.246.575	23.030.246.575
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		131.110.377	128.773.792
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		131.110.377	128.773.792
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		386.735.094.054	363.345.089.525

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.313.414.657	41.121.696.148
I. Nợ ngắn hạn	310		66.313.414.657	41.121.696.148
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.5	1.485.461.597	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.581.303	4.581.303
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	1.988.926.961	1.914.747.829
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.8	232.949.994	118.181.818
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	185.219.753	167.910.149
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.7	62.000.000.000	38.500.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		416.275.049	416.275.049
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		320.421.679.397	322.223.393.377
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	320.421.679.397	322.223.393.377
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(148.500.000)	(148.500.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.248.825.147	1.248.825.147
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.321.354.250	21.123.068.230
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.123.068.230	17.369.341.360
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.801.713.980)	3.753.726.870
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		386.735.094.054	363.345.089.525

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Cẩm Tiên

Nguyễn Cẩm Tiên

Trần Việt Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/20221 đến 30/6/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	21.863.727.216	34.791.328.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	21.863.727.216	34.791.328.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	21.723.980.182	34.351.451.501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		139.747.034	439.876.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	19.248	2.487.199.657
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.517.000.723	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.517.000.723	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	350.300.407	777.147.604
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.727.534.848)	2.149.928.552
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	2.722.753.061
12. Chi phí khác	32	6.6	74.179.132	36.830.701
13. Lợi nhuận khác	40	6.6	(74.179.132)	2.685.922.360
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.801.713.980)	4.835.850.912
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	972.343.295
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.801.713.980)	3.863.507.617
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(60)	129

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Cẩm Tiên



Nguyễn Cẩm Tiên



Trần Việt Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.801.713.980)	4.835.850.912
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.248)	(2.487.199.657)
- Chi phí lãi vay	06		1.517.000.723	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(284.732.505)	2.348.651.255
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.550.161.978)	30.236.666.442
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.517.859.424	35.078.427.679
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.343.141.638)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.660.176.697)	67.663.745.376
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(60.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.248	508.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.248	(59.999.491.849)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		62.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(160.157.449)	7.664.253.527
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		712.054.256	994.826.515
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	551.896.807	8.659.080.042

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Cẩm Tiên

Nguyễn Cẩm Tiên

Trần Việt Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101971512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009, thay đổi lần thứ 09 ngày 03 tháng 6 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng chẵn). Tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương Mại - Dịch vụ - Xây dựng**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng kinh doanh; Bán buôn nông sản, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Khai thác và thu gom than non; Sản xuất than cốc; Sản xuất than bánh từ than non, than bùn; sản xuất nhiên liệu ô tô, xăng dầu, dầu lửa; dầu nhiên liệu nặng, nhẹ, trung bình, khí tinh chế như etan, propan; butan; Sản xuất dầu mỡ bôi trơn từ dầu, kể cả từ dầu thải; sản xuất các sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường; Sản xuất các sản phẩm khác; trộn nhiên liệu sinh học, sản xuất hóa chất cơ bản; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm Liên quan; Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: A6-BT5, khu đô thị Mỹ Đình 2, đường Trần Văn Cẩn, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 09 người (tại ngày 31/12/2021 là: 09 người).

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữ niên độ là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/6/2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.7 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thu nhập từ tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.13 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí giao hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền**

	<u>30/6/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	548.665.277	701.260.262
Tiền gửi ngân hàng	3.231.530	10.793.994
Cộng	<u>551.896.807</u>	<u>712.054.256</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Phải thu của khách hàng

	<u>30/6/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty CP Kinh doanh Bình An Đạt	270.460.801	270.460.801
- Công ty CP Stevia TDP Việt Nam	15.030.875.698	-
- Công ty CP Group Minh An	3.738.069.152	-
- Công ty TNHH Dịch vụ và Tiếp vận THT	4.843.880.543	-
Cộng	<u>23.883.286.194</u>	<u>270.460.801</u>

5.3. Trả trước cho người bán

	<u>30/6/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	339.138.554.101	339.138.554.101
- Các khoản phải trả người bán khác	-	65.000.000
Cộng	<u>339.138.554.101</u>	<u>339.203.554.101</u>

(*) Khoản trả trước mua tàu Hút bùn Tiến Đại Phát 668 theo Hợp đồng mua bán tàu 2509/202/HĐMBT/TĐP-CNC ký ngày 25/09/2021 với tổng giá trị hợp đồng là 390 tỷ đồng và phụ lục hợp đồng số 1003/2022/PLHĐ/TĐP-CNC ký ngày 10/03/2022. Việc mua tàu được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 số 02/NQ-ĐHĐCĐBT/KSQ/2021 ngày 08/9/2021.

Ngày 01/03/2022, Công ty TNHH Tiến Đại Phát gửi công văn số 0103/2022/TĐP-CV cho Công ty thông báo tiến độ giao tàu sẽ kéo dài thêm do việc lai dất tàu về nhà máy đóng tàu Phà Rừng để tiến hành lên đà sửa chữa và đăng kiểm trước khi giao nhận dẫn tới thời gian bàn giao tàu sẽ chậm hơn so với thời gian dự kiến. Hai bên đã thống nhất và ký phụ lục hợp đồng số 1003/2022/PLHĐ/TĐP-CNC ngày 10/03/2022 gia hạn thời gian thanh toán và bàn giao tàu đến trước ngày 31/03/2023.

5.4. Phải thu khác ngắn hạn

		<u>30/6/2022</u>		<u>01/01/2022</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Phải thu về lãi cho vay	30.246.575	-	30.246.575	-
- Công ty VIETMINDO ENERGITAMA (*)	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-
Cộng	<u>23.030.246.575</u>	<u>-</u>	<u>23.030.246.575</u>	<u>-</u>

(*) Tiền đặt cọc hợp đồng mua bán xit thải, cám xit, bùn tuyển và than lẫn tạp chất số 001/I/2020/Vietmindoc – CNC. Các bên đã ký phụ lục hợp đồng số 02 ngày 22/7/2021 để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng đến 21/10/2022 do CNC chưa hoàn thành việc xin giấy phép mua bán các loại hàng hóa từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.5. Phải trả người bán

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Phát triển CN Vạn Phúc	1.461.898.597	1.461.898.597	-	-
- CN Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam - Bưu điện TP. Hà Nội	23.563.000	23.563.000	-	-
Cộng	1.485.461.597	1.485.461.597	-	-

5.6. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Phải nộp 01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Phải nộp 30/6/2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.842.009.100	-	-	1.842.009.100
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	72.738.729	74.179.132	-	146.917.861
Cộng	1.914.747.829	78.179.132	4.000.000	1.988.926.961

(*) Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Tại báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2022, Công ty chưa tiến hành nộp thuế TNDN, do đó trong năm đơn vị đã tự xác định và chậm nộp thuế theo qui định hiện hành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam (*)	38.500.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000
+ Vay bà Nguyễn Lê Thực Quyền (**)	23.500.000.000	23.500.000.000	23.500.000.000	-	-	-
Cộng	62.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000

(*) Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT384-CNC ký năm 2022. Hạn mức cho vay 40.000.000.000 đồng. Thời hạn và lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(**) Vay bà Nguyễn Lê Thực Quyền theo Hợp đồng vay số 0301-2022/HĐVT/CNC-NLTQ. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày 03/01/2022, lãi suất 0%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/6/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Lãi vay phải trả	173.859.085	-
Chi phí phải trả khác	59.090.909	118.181.818
Cộng	<u>232.949.994</u>	<u>118.181.818</u>

5.9. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/6/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Bảo hiểm xã hội	146.903.307	132.715.107
- Bảo hiểm y tế	27.237.152	24.683.276
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.079.294	10.511.766
Cộng	<u>185.219.753</u>	<u>167.910.149</u>

5.10. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM TRƯỚC					
Số dư đầu năm	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	17.369.341.360	318.469.666.507
Lãi trong năm	-	-	-	3.753.726.870	3.753.726.870
Số dư cuối năm	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	21.123.068.230	322.223.393.377
KỲ NÀY					
Số dư tại 01/01/2022	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	21.123.068.230	322.223.393.377
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(1.801.713.980)	(1.801.713.980)
Số dư tại 30/06/2022	<u>300.000.000.000</u>	<u>(148.500.000)</u>	<u>1.248.825.147</u>	<u>19.321.354.250</u>	<u>320.421.679.397</u>

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/6/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Các cổ đông khác	300.000.000.000	300.000.000.000
Cộng	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các giao dịch về vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/6/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>30/6/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>
Doanh thu bán hàng hóa	21.863.727.216	34.791.328.000
Cộng	21.863.727.216	34.791.328.000

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.723.980.182	34.351.451.501
Cộng	21.723.980.182	34.351.451.501

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.248	2.487.199.657
Cộng	19.248	2.487.199.657

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Lãi tiền vay	1.517.000.723	-
Cộng	1.517.000.723	-

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Chi phí nhân viên quản lý	194.600.410	229.682.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.199.997	125.049.520
Chi phí khác bằng tiền	30.500.000	422.415.694
Cộng	350.300.407	777.147.604

6.6. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Thu nhập khác	-	2.722.753.061
Thu nhập các khoản không phải trả	-	2.718.672.552
Thu nhập khác	-	4.080.509
Chi phí khác	74.179.132	36.830.701
Tiền phạt, chậm nộp thuế	74.179.132	25.865.564
Chi phí khác	-	10.965.137
Lợi nhuận khác	(74.179.132)	2.685.922.360

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Chi phí nhân công	194.600.410	229.682.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.199.997	125.049.520
Chi phí khác bằng tiền	30.500.000	422.415.694
Cộng	350.300.407	777.147.604

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Lợi nhuận trước thuế	(1.801.713.980)	4.835.850.912
Điều chỉnh tăng	75.302.814	25.865.564
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	75.302.814	25.865.564
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	(1.726.411.166)	4.861.716.476
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	(1.726.411.166)	4.861.716.476
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	972.343.295
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	972.343.295

6.9. Lãi trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.801.713.980)	3.863.507.617
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.801.713.980)	3.863.507.617
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(60)	129

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 30/6/2022.

7.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Trần Việt Hùng	Thành viên quản lý chủ chốt
2	Ông Trần Trọng Tính	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Bùi Thức Dục	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Ông Hoàng Quốc Anh	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Ông Triệu Văn Hợi	Thành viên quản lý chủ chốt

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan chủ yếu là tiền lương như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Ông Nguyễn Việt Thông	-	81.111.538
- Bùi Thức Dục (TGD bổ nhiệm ngày 17/06/2022)	-	-
- Ông Triệu Văn Hợi - TGD (miễn nhiệm 17/6/2022)	69.952.250	-
	69.952.250	81.111.538

7.4 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính giữa niên độ vì Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của chuẩn mực kế toán.

Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực là mua bán vật tư, vật liệu và khu vực địa lý duy nhất tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Cẩm Tiên

Nguyễn Cẩm Tiên

Trần Việt Hùng